

Một Lần Về Thăm

Forget Me Not Dalat

Ngày... tháng... năm...

Mình đang chuẩn bị cho chuyến xuôi Nam, về miền sông nước Hậu Giang, một trong những phần đất mà mình yêu mến nhất trên quê hương. Thoạt đầu mình và Mi bàn tính sẽ thuê một chiếc xe, sẽ ghé Vĩnh Long, rồi về Châu Đốc thăm gia đình Nhàn, Sậy, và thăm viếng miếu Bà... Nếu còn thời gian, mình sẽ đi thăm vài tỉnh lân cận của Châu Đốc như Rạch Giá, Hà Tiên. Nhưng qua sự sắp xếp của Nhàn, chuyến đi của mình bị đảo lộn hết. Từ Nha Trang vừa về tới Sài Gòn chưa kịp nghỉ ngơi, cô bé Nhàn đã điện thoại lên cho biết, sẽ cho xe đến đón vào bốn giờ sáng ngày hôm sau. Vậy là chẳng dặng dưng, chúng mình vội vàng đi ngủ để hôm sau dậy sớm. Chuyến đi này có Sa, bạn thân của Mi ở Đà Lạt, xuống cùng tháp tùng với chúng mình.

Chưa tới bốn giờ điện thoại đã reo vang, cô bé Nhàn và Huệ, bạn Nhàn, đã chờ dưới lầu khách sạn. Chuẩn bị thật nhanh. tụi mình ba chân bốn cẳng xuống lầu. Ra đi khi trời chưa sáng, nên thời tiết mát mẻ thật dễ chịu, đường phố thưa vắng xe cộ. Nhưng chưa hưởng được sự thoải mái bao lâu, tôi đã kinh hoàng khi mùi hôi thối ở chung quanh xông lên nồng nặc. Nước thủy triều dâng theo các sông lạch hòa với nước cống bẩn đưa vào thành phố, mang theo những mùi thật khó chịu. Điều này xảy ra khá lâu rồi nhưng CS cầm quyền không thêm để ý vì coi đó là chuyện bình thường!



Chiếc xe đồ nhỏ mang tội mình ra khỏi thành phố. Mình lại được nhìn những đồng lúa vàng óng ả dưới ánh ban mai, những cánh cò trắng bay là đà trên những cánh đồng chạy dài xa tít tắp, hết ruộng lúa lại đến vườn cây. Dừa xanh éo lá chen lẫn những cây mận xum xê trái đỏ tươi quyen rũ... Qua bao nhiêu năm miền Nam có đổi thay nhưng không thay đổi chóng mặt như Sài Gòn, như những tỉnh và những thành phố miền Trung mình đi qua.

Đến địa phận Sa Đéc, trước khi xuống phà để qua Bến Dinh thăm dì Hồng, bác tài trở tính nhất định không chịu đi kê phà nhỏ, lấy lý do xe đi không an toàn. Thật ra mình biết ông viện cớ muốn về Tân Châu sớm để chờ khách hẹn vì mình đã nghe loáng thoáng ông nói điện thoại với khách. Thật khó chịu với lỗi làm ăn tắc trách này vì Nhàn đã thuê bao theo lộ trình giao hẹn. Tuy bất bình tội mình vẫn phải nhượng bộ để Mi và Sa theo Huệ về Tân Châu trước. Mình và Nhàn qua phà đến Bến Dinh thăm dì Hồng. Chiếc phà nhỏ cũng chờ được vài ba xe hơi và vài chục người. Phà rẽ sóng, máy tàu kêu xinh xịch... Âm thanh quen thuộc của sông nước miền Nam gợi nhớ những chuyến đò ngày xưa cùng chàng lính đênh suốt dọc con sông Cửu Long.

Phà ghé Bến Dinh, mọi người lục tục lên bờ. Mình và bé Nhàn đi cuộc bộ về nhà Dì Hồng. Dì mừng rỡ đón tội mình vào nhà, rồi dẫn mình lên lầu thấp nhang cho hai bác. Ba má của dì, cũng là ba má của người mà một thời mình thương yêu. Bên di ảnh của hai bác là một lô hình của người từ bé đến lớn. Hình nào cũng khôi ngô tuấn tú.

Đẹp nhất là hình ảnh chàng oai hùng trong màu áo Biệt Động Quân với chiếc mũ nâu nhớ đời! Người tự hào đẹp trai, người tự tin sống thọ với mắt lớn, tai dài... Người thừa hưởng chiều cao của ba, vẻ mặt hiền hậu của mẹ. Bộ anh đây sao? Người mà mình đã có một thời yêu mê đắm, tưởng không bao

giờ phải xa cách chia ly.

Bộ anh đó sao? Anh đi đâu để giờ này hình anh được đặt trên bàn thờ cho em chào lạy. Thắp một nén nhang mình cầu xin cho ba má chàng bình yên nơi cõi xa xăm ấy. Mình không cầu xin gì khác, chỉ cầu xin tâm hồn mình an lành.

Trước khi rời Bến Dinh, di còn dẫn mình ra thăm khu mộ của dòng họ. Trên ngôi mộ song thân ở hàng cuối có ghi tên họ, ngày sinh của chàng nhưng không ghi ngày chết. Cậu con út mà ba má cưng yêu đã về nép bên mẹ cha. Anh đã đời đời ở bên những người yêu dấu! Di Hồng cùng với tội mình tiếp tục xuôi Nam, khi thì đi phà, khi thì lên bờ dùng xe khách. Không nhớ mình đã đi qua bao nhiêu nơi nhưng có những địa danh khó mà quên được như Năng Gù, Thuận Giang, chợ Vàm, Long Sơn,....

Mình cũng muốn quên những cái tên quen thuộc này nhưng không hiểu sao đầu óc mình vẫn khắc sâu, như dấu ấn đã nằm yên nơi đó, như nỗi nhớ chàng vẫn quay quắt không nguôi! Đến Tân Châu, tội mình gặp lại Mi và Sa ở nhà nhỏ Huệ. Trời đã trưa, cả bọn kéo ra quán. Cả ngày bôn ba, đói bụng, tội mình ăn uống thật ngon lành. Khi trả tiền mới thấy thức ăn ở đây ngon và rẻ.

Từ Tân Châu tội mình đi xe ôm về kinh Xáng. Đến đây là chặng cuối trong ngày. Về nhà Nhàn, căn nhà xưa của ngoại đây rồi. Căn nhà bao nhiêu năm vẫn không thay đổi mấy. Ngôi nhà sàn cất cao đề phòng lụt lội, rộng lớn, cột kèo cứng chắc, tro li với năm tháng. Hành lang trước nhà vẫn mắc những chiếc võng. Quanh nhà, hàng dừa lá ngọn, mang đầy những quả. Mình không biết đây là những cây năm xưa hay là những cây mới trồng sau này? Cất hành lý xong việc đầu tiên của mình là chạy nhanh ra con kênh sau nhà. Dòng kênh vẫn ngầu đục phù sa. Lục bình vẫn bập bênh trôi trên sóng nước...

Hình như qua nhiều năm, con kênh rộng hơn vì bờ kênh

bị đất chùi và sạt lở. Trên dòng, những chiếc thuyền nhỏ chèo tay, thuyền máy đuôi tôm đập diu qua lại, khuấy động. Bờ bên kia ngày xưa là bãi đất trồng bắp. Giáp mé kênh, dừa nước, điên điển mọc um tùm... Tụi mình đã từng chèo xuồng qua đó bẻ bắp, nghe nói lấy giống từ Ban Mê Thuật màu vàng ngọt thơm lại dẻo. Tụi mình còn hái hoa điên điển màu vàng về nấu canh, nấu lẩu và ăn sống ghém với những món rau hái ở đồng,



Sông nước Vĩnh Long.

chấm với nước cá rô kho... Chao ơi ngon quá! Cứ làm mình nhớ mãi....

Đi vòng vòng dọc theo bờ, ngắm nhìn phong cảnh trên kênh một lúc, mình quay lại bến cũ, ngồi dựa vào gốc dừa già cỗi đời mắt nhìn theo đám lục bình trôi trên sóng nước. Nỗi nhớ quay quắt oằn lòng người trở lại! Nơi này ngày ấy, hai đứa tay đan tay, đầu tựa đầu, mộng mơ, mong ước tràn đầy. “Ước gì thời gian ngừng trôi, ước gì em được ngồi bên chàng mãi...” Mình chợt nhớ đến ước mơ của chàng,

“Anh chỉ muốn một ngày hoa nắng ngập trời, anh sẽ đón em về trên chiếc thuyền hoa. Em xúng xính trong bộ áo cô dâu vào ngày vui pháo nổ rộn ràng. Rồi em sẽ buộc chặt đời anh, sẽ cùng anh đi qua bao nhiêu vùng sông nước...”

Nhưng ước mơ chỉ là mơ ước chả bao giờ thành sự

thực. Không biết giờ này anh đang ở nơi đâu? Rừng sâu? Núi cao? Hay đang ở một một thế giới vô hình nào đó, đang đau buồn nhìn em nhưng không thể nói. Ồ, nếu có một thế giới mới ngoài cõi đời này, mình chỉ muốn được thấy lại chàng một lần, dù chỉ đứng thật xa để nhìn thôi. Một chuyến phà cặp bến, tiếng xập xình của động cơ lôi mình trở lại với hiện tại. Thần thờ đứng lên, bỏ lại chốn kỷ niệm sau lưng, mình quay lại nhà. Mọi người đang chuẩn bị bữa cơm chiều.

Tự cho phép được rảnh rang, mình lên nhà trên làm quen và vui đùa với lũ cháu của Nhàn. Tuổi thơ hồn nhiên, mới quen trong khoảnh khắc mà các cháu tưởng như đã quen lâu. Nắm tay mình, tụi nhỏ kéo mình ra vườn trước. Để bọn trẻ chơi rượt bắt với nhau, mình lặng lẽ dạo quanh, lặng lẽ đếm từng gốc dừa, gốc bưởi trong vườn cây của ngoại. Hương bưởi nồng nàn thơm ngát lan tỏa trong không khí. Cuối vườn một bụi khế với hoa tím nhỏ xinh xinh, vài cây so đũa trĩu quả. Khu vườn ngoại mát rượi nhờ những tán dừa cao và nhiều cây quả bao quanh. Cảnh sắc miền quê sao thanh bình, êm ả quá! Chợt nghĩ phải chỉ mình được chọn nơi này sống những ngày yên vui để quên mọi lợi danh thế tục thì hay biết bao nhiêu? Tối đến, có một người ngồi đờng đưa trên chiếc võng âm thầm nhớ về ngày xưa thân ái rồi lặng lẽ khóc thầm.

Ngày... tháng... năm

Ở một đêm tại kinh Xáng, sáng nay tụi mình lại tiếp tục ra đi. Nhàn kêu thêm Hùng, bé Ngân, Bé Ánh, rồi mỗi người một chiếc honda cùng đi Châu Đốc. Hùng chở mình, Ánh chở Mi, Ngân chở Sa còn Nhàn chở Di Hồng. Xe qua phà Châu Giang xuôi dòng qua Châu Đốc. Đến nhà Sậy, cô bé bắt ăn sáng rồi chờ xe đến chở mọi người đi Ba Chúc. Chuyến đi này có thêm Tường Vi, con dâu của Sậy, cùng với một tài xế và người bạn của ông cũng tháp tùng.

Rời thành phố Châu Đốc xe chạy từ từ qua những vùng

đất tương đối khô cằn. Nhà cửa ở đây nhỏ bé, nghèo nàn, ít có sự thay đổi dù đã qua mấy chục năm đổi thay. Trên đường đi mình thường gặp những chiếc xe đạp chất đầy mía đồ do những thanh niên trẻ hì hục đẩy. Không biết họ lấy ở đâu vì mình không thấy vườn mía ở chung quanh? Dọc bên đường, thỉnh thoảng có những quán nhỏ treo vài ba chiếc võng. Trước quán chất đầy trái thốt nốt để khách ngưng lại uống nước nghỉ mệt.

Đến địa phận Ba Chúc, mình phải vận dụng toàn ký ức để nhớ lại chỗ nào, nơi đâu mình đã đặt chân tới nhưng đành chịu thua. Chỉ khi xe ngưng lại trước ngôi chợ, trước công đề năm xây dựng “1985”, xây sau khi mình đến những mười năm, mình mới nhớ đây là tiền thân ngôi chợ nhỏ năm nào mà mình đã từng lang thang ăn hàng, đã được thưởng thức món hủ tiếu Nam Vang tuyệt vời. Chính nơi đây người phía “bên kia” đã đặt chất nổ để giết chàng. May mà lúc đó chàng bình yên. Mình đã một phen hú hồn cảm tạ Trời Đất. Vây mà... cuối cùng không ai bảo vệ được chàng!

Chặng đường cuối cùng của mình khi tới Ba Chúc là ghé thăm chị Chín, giờ đang sống trong một ngôi chùa gần núi. Chị đã trên sáu mươi, tóc bạc phơ nhưng nước da của chị vẫn đẹp. Những ngày rằm, mừng một các đạo hữu đến thăm chùa, chị nấu ăn, châm nhang đèn hoa quả. Gặp chị sau mấy mươi năm xa cách, nhắc lại chuyện xưa để thấy đời sống vô thường, con người sống với khổ đau nhiều hơn hoan lạc. Anh Chín đã qua đời, nên chị sống với đứa con duy nhất, nhưng tâm thần cháu không được bình thường. Cầm chặt tay mình, chị thủ thỉ,

- “Nếu chú ấy biết được, em sống như vậy hẳn chú vui lắm.”

Mình ứa nước mắt khi chị gọi lại dĩ vãng. Cái dĩ vãng quá đẹp để mình khó quên. Thấp nhang lạy Phật xong, chúng mình ra sau chùa lên ngọn núi đá chụp hình, rồi nhảy từ phiến đá này qua phiến đá khác. Lựa một phiến đá bằng phẳng mình

ngồi nhìn những ruộng lúa xanh trải dài đến cuối chân mây. Xa xa là những ngôi nhà tranh với những hàng tre bao quanh rủ bóng. Vài chú gà trống chậm rãi tìm thức ăn, lục tung đám cỏ lá tre, nhưng chả biết chúng tìm được gì trong đó? Thả tầm mắt xa hơn, sau rặng núi là nước bạn mà xưa kia những người bạn láng giềng thỉnh thoảng tràn sang cấp duồn.

Họ đã vào thị xã này giết hàng loạt mấy ngàn người vào năm bảy tám. Hàng ngàn đầu lâu chất đống ở đây. Nhớ năm Khờ Me tràn sang Việt Nam mình còn ở bên đó, bọn lính Khờ Me đồ đã bắt dân tụ tập ở chùa rồi dùng dao, mã tấu chém hàng loạt. Chỉ có một số người may mắn nhanh chân trốn vào núi là thoát được. Trong dịp về thăm Nhàn trước đó vài tháng khi được đi thuyền trên dòng sông Cửu, mình cũng đã từng thấy nhiều xác người trôi trên sông khi quân Pôn Pốt giết chính dân họ, rồi thả trôi trên dòng nước. Khi xác tấp vào bờ, người dân hai bên sông đem vào chôn cất. Mình không thể tưởng tượng con người với con người với nhau mà ác độc mất nhân tính đến vậy. Hận thù, chiến tranh luôn đi liền với mất mát và chết chóc! Rặng núi xa kia không phải là ngọn núi xưa mình đã được đến nhưng sao mình vẫn thấy thật quen thuộc. Giọng chàng vẫn như thoảng đâu đây ngọt ngào đậm ấm,

- “Nhìn xa chỗ kia là biên giới đó em. Biên giới của nước mình và nước bạn chỉ là một dãy núi dài và nếu muốn mình có thể băng qua....”

- ”Không biết biên giới giữa mình và chàng hiện giờ dài bao nhiêu?” Mình ngâm ngùi tự nghĩ.

Quá trưa mình rời Ba Chúc, cảnh cũ còn đó nhưng xa lạ, người xưa mất hút cho mình những luống ngâm ngùi... Trên đường về, bác tài chạy nhanh hơn để kịp đến một quán ăn được đồn đãi là nổi tiếng. Sau đó, phải đoàn tiếp tục đến thăm miếu Bà, nổi tiếng ở Châu Đốc.

Đã hơn sáu giờ chiều khi mình trở lại thành phố Châu Đốc. Hẹn với Sậy ở lại đây một đêm để thăm thành phố kỷ niệm

sau bao nhiêu năm trở lại, nhưng không hiểu sao mình chỉ muốn rời xa chốn này ngay? Buồn quá! Buồn đến dại người! Kỷ niệm ủa về. Phố trưa Châu Đốc với bụi cay vương mắt đỏ kè khiến cho chàng phải đi tìm thuốc nhỏ. Quán chè sát dòng sông hai đứa tỉ tê tâm sự không muốn về và cuối cùng cuộn phim “Vĩnh Biệt Tình Hè” ngày ấy như một điềm mang xui xẻo đến. Không muốn đi tìm lại một thoáng hương xưa, lấy lý do không có thời gian chuẩn bị cho chuyến về lại Mỹ, mình nhờ Tường Vi gọi người quen mua vé trở lại Sài Gòn. Khoảng nửa tiếng sau xe đến tận nhà đón.

Chào già từ gia đình Sậy, lưu luyến chia tay với các anh chị em đã ân cần tiếp đón tại mình trong mấy hôm nay. Chào già từ thành phố thân yêu với một thời hoa bướm cũ, nước mắt doanh tròng mình buồn bã bước lên xe. Nhân ôm chặt mình trong vòng tay rồi dúm cho mình một hộp giấy. Em thì thầm,

- “Của chị đó.”

Lên xe, mình chọn băng ghế thứ hai sau bác tài, trong khi Mi và Sa ngồi bên cạnh. Lặng lặng mình đem món quà của Nhân gởi ra xem. Một lá thư nhỏ do Nhân viết để trên cùng “Chị ơi, trước khi cậu đi đã gởi cho em cất giữ những lá thư này. Cậu đã rời xa. Em nghĩ chị sẽ thật ngạc nhiên khi có lại những gì chị đã trao gởi cậu.”

Những lá thư với phong bì màu xanh do mình tự tay làm lấy được cất gọn gàng để ngày tháng năm theo thứ tự nhận được làm lòng mình chùng xuống. Cảm ơn người đã trân trọng giữ gìn. Mình đọc lại những gì đã viết mấy mươi năm về trước trong bóng tối chập choạng của buổi chiều đang đến. Nước mắt nhạt nhòa rơi...



Một Bài Thơ Sấm

Song Vũ

Suốt gần tháng nay, tôi thấy mình bần thần trong cùng một tâm trạng giống như những năm tháng trên cao nguyên Kontum, Pleiku năm 1972 ngày nào. Mới đó mà cũng đã hơn 39 năm qua. Thời gian trôi đi vù vù như gió thổi mây bay. Hơn nửa cuộc đời đã bước qua bao vòng tử sinh, khổ nạn. Những năm tháng lặn lội trên chiến trường giữa những làn đạn, mìn, bom tứ hướng. Chạm mặt cùng thân chết từng phút từng giây. Rồi hòa bình chợt đến. Ngày ấy đã tưởng dân tộc tôi có cơ hội sinh và bản thân thanh thân sống chuỗi ngày còn lại cuối đời trong an bình; những ngày tháng sống trong bất trắc rình mò thường trực sẽ chấm dứt. Những tưởng sẽ có một cơ hội để cởi bỏ bộ đồ trận xuống, bình tâm suy nghĩ về một thời sôi nổi chiến đấu sống còn, dọc ngang trong suốt cuộc trường chinh.

Những tưởng sẽ có dịp đi thăm lại chiến trường xưa, tìm lại những hình ảnh thân quen của đồng đội, những người đã cùng mình trải qua những đờn đau nhân thể, giờ đây đang yên nghỉ đâu đó, một nơi nào đó xa lạ giữa rừng già Trường Sơn, hoặc mênh mông sông nước Hậu Giang. Nào ngờ, cuộc chiến chỉ tạm ngưng để kẻ thù lấy lại sức lực, tập trung vào một màn chém giết mới còn tàn tệ hơn cả trước lúc đặt bút ký kết hòa bình! Chử nghĩa là phương tiện để quảng bá cho những thủ đoạn âm mưu thâm độc nằm ở phía sau nó. **Chử** tách khỏi **nghĩa** và con người tiếp tục đình nhau trong máu đỏ và hận thù.

Năm tháng tù đầy trong các trại giam tù Nam ra Bắc rồi lại trở về Nam cho tôi hiểu thêm những đau thương tận cùng của dân tộc mình. Năm 1977 khi bị giam giữ tại Hoàng Liên Sơn, tôi thấy Miền Bắc thực sự vẫn còn đang sống cuộc sống thời trung cổ. Nhìn những người Tày thay trâu kéo cây trên các mảnh ruộng nhỏ nằm dọc theo suối trên vùng trung du, hoặc thậm chí những người dân tộc Mường gầy gò còng lưng kéo bừa trên những mảnh ruộng nước thay trâu mà lòng ngổn ngang buồn. Những trại tù do công an quản lý với mọi kiểu tội phạm hình sự mà đa số là lớp thanh thiếu niên từ lưu manh côn đồ ăn cắp vặt của các hợp tác xã cho tới những thanh niên cần quấy, thích hát nhạc vàng, thích mặc quần ống túm, thích để mái tóc bông thành phố bị tập trung cải tạo chẳng biết đến bao giờ mới được tha!

Tôi đã nhìn thấy từ mớ hỗn độn tận cùng xã hội ấy biết bao nhiêu điều nghịch lý. Có nước nào trên thế giới mà người vào trong tù phải cố gây thêm án để có được một bản án cụ thể ấn định thời gian thọ phạt thay vì cứ tập trung cải tạo theo lệnh ba năm một lần cho đến thiên thu!? Có nước nào người tù tự đi cấy cây trồng trọt để nuôi sống mình và đám cán bộ cai quản hành hạ mình? Có nước nào cai tù ngu độn và ngây ngô, với mớ kiến thức được nhồi nhét từ cấp trên, luôn tìm mọi cách rao giảng sự ngu muội ấy khi có dịp trước một cử tọa có kiến thức đáng bậc thầy mình?

Tôi nhớ tới những ngô nghê của chính các cán bộ được cho là cao cấp từ trên cục trại giam gửi về, từ viên trưởng trại đọc trong giấy tờ đã được viết sẵn mà vẫn bộc lộ rõ những kiến thức căn bản họ thiếu tới mức thảm hại. Nào là phi cơ Mig của ta tắt máy nằm phục kích trong mây chờ máy bay B52 của Mỹ tới nhào ra bắn rớt. Nào là dầu khí của ta tốt nhất thế giới, chỉ cần cắm ống hút xuống, rút lên là chạy được máy tàu máy xe. Nào là trong trận đánh biên giới tháng hai năm 79, quân Trung Quốc dùng phi cơ khu trục rải lính nhảy dù dọc

theo biên giới bị ta bắn hạ chết đầy trời...!

Những năm tháng buồn tủi đó cứ đeo đẳng mãi không rũ bỏ xuống được, không phải vì cái tâm vốn rất hẹp của con người mà có lẽ vì ở nơi một nguyên do nào khác hơn. Hơn 20 năm sau khi bước ra khỏi cái địa ngục trần gian ấy, cho tới giờ phút này, những cảnh đọa đầy ấy vẫn còn ám ảnh tôi mãi. Nghĩ về tương lai của dân tộc và những thế hệ tiếp nối mà lòng



Công tác dân sự vụ.

lại càng thấy buồn hơn.

Gần tháng nay, những tin tức liên tiếp từ quê nhà được trên internet khiến cho tôi thêm bất an. Thái độ hung hãn của Trung Cộng càng gia tăng, sự khiếp nhược của nhà cầm quyền Hà Nội càng lộ rõ. Những cuộc xuống đường của dân chúng nửa lên lút, nửa công khai, thậm thụt bày tỏ lòng yêu nước bị công an đàn áp thẳng tay, đọc mà không thể hiểu được. Đất nước tôi đang trôi dạt vào nanh vuốt của bọn bành trướng phương Bắc ngày sâu hơn. Nhiều lúc tôi tự hỏi liệu có còn chút hy vọng nào không cho dân tộc tôi? Câu trả lời vẫn không tìm thấy. Nỗi thất vọng tràn đầy khiến cho cuộc sống khó chịu hơn trong lúc tuổi tác đã về chiều. Có những người bạn khi nghe lời tâm sự, bỗng buông tiếng cười mỉa,

“Ông ơi, sao ông rồi hơi, gái góa lo chuyện triều đình! “

Thế hệ chúng ta đã lui vào sân khấu lịch sử, tấn tuồng đòi một thời đã diễn xong. Hãy biết lui gót, nhường lại ánh đèn cho những diễn viên khác tiếp nối vở kịch đòi.

Ngồi nghe bạn nói thấy phần nào có lý, nhưng bỗng dung cứ thấy hình như mình còn chút mắc míu nào đó không có hình ảnh rõ rệt. Nhưng chắc chắn là có.

Lịch sử có phải là một diễn tiến có tính chu kỳ không? Tôi thật sự không biết. Duy có một điều chiêm nghiệm được từ bản thân, cuộc đời mỗi con người là có. Thăng trầm, lên xuống nối tiếp nhau làm nên vận mệnh một con người. Chẳng ai cứ thẳng một đường lên mãi hoặc xuống đến tận cùng trừ những người chết yểu ngay lúc lọt lòng! Nếu lấy đời sống trong một số năm trung bình 70 tuổi thọ, mọi người sẽ tự mình tìm ra được những chu kỳ thăng giáng của mình theo thời gian. Suy rộng ra hơn một chút, trong lịch sử dân tộc, tôi cũng cảm nhận hình như cũng có những chu kỳ thăng giáng tương tự. Năm nay vừa đúng 39 năm kể từ tháng Tư đen tối năm ấy. Đất nước đang đi vào giai đoạn cuối của sự tồn vong. Chỉ có một điều khác, trước đó là sự biến mất của một nửa đất nước cho một nửa còn lại, lần này thì cả đất nước cùng mất một lần.

Người ta thường suy nghĩ đến những cuộc xâm lăng bằng quân sự qua các cuộc giao chiến đẫm máu của hai đoàn quân thù nghịch. Điều ấy giờ đây đã thay đổi. Thế giới tuy bao la nhưng nhờ những phương tiện liên lạc điện tử, thông tin, di chuyển giao thông trở nên ngày càng mau chóng, gần lại. Những chiến thắng quân sự trong thời đại này đều đòi hỏi sự phung phí tiền bạc và nhân mạng của cả hai bên thắng và bại.

Kinh nghiệm một cuộc rút quân đầy tai tiếng của cường quốc Hoa Kỳ ra khỏi VN năm 1975 rồi sau đó là cuộc thất bại không kém đau thương của cường quốc Liên Xô vào năm 1989 từ chiến trường Afghanistan; thậm chí “tiểu bá” cộng sản VN cũng ôm đầu máy sau cuộc tấn công quân sự vào Kampuchia rồi cũng phải lui binh vào năm 1990! Để cho

thấy việc dùng quân đội đi xâm lăng một nước khác đã thật sự lỗi thời. Người Trung quốc thâm hiểm hơn các sắc dân khác nhiều lắm. Cuộc bành trướng xuống phương Nam đã được Mao Trạch Đông hoạch định từ rất lâu.

Từng chút một, qua những mưu thuật ma quỷ, Mao đã làm cho cả dân tộc ta chìm vào trong biển máu tạt chém giết lẫn nhau. Vũ khí bom đạn đã triệt hủy mọi nguồn tài nguyên đất nước cả nửa thế kỷ trước. Bao nhiêu tinh hoa dân tộc đã nằm xuống vĩnh viễn, còn lại là một đám lãnh đạo u mê say sưa với quyền lực và bổng lộc cam tâm thay nhau làm tội tổ cho ngoại bang. “Gia tài của mẹ một bọn lai



Một đơn vị giang đò của Hải Quân đang hành quân trên sông tại Vùng IV Chiến Thuật, 1970.

cảng gia tài của mẹ, một lũ bội tình”, Trịnh Công Sơn đã từng viết như thế. Tài nguyên đất đai còn lại miếng nào đều được đem cầm cố cho thuê. Quặng mỏ được đào bới lên đem bán rẻ nuôi một lũ đại gia lưu manh ăn trên ngồi trước. Những người dân đen lam lũ còn lại quần quật cật lực lao động kiếm một thứ gì đó được gọi là đồ ăn bỏ vào bụng để được sinh tồn.

Khoảng cách giàu nghèo cứ tách ra ngày thêm rộng, kẻ ăn không hết, người lần không ra. Các quan chức chính phủ, đảng viên mập ú phè phỡn hưởng lạc trên số phận của những người dân đen còm cõi còn lại. Chính quyền bát nháo, trống đánh xuôi, kèn thổi ngược trong khi tình hình chính sự ngày

càng thêm nguy kịch. Tướng hèn, lính kiêu, lãnh đạo thuận tay chia nhau vơ vét làm giàu, sĩ phu phò chính thống kiểm ăn bất cố liêm sỉ, làm sao đòi hỏi nơi người dân nhiệt huyết giữ nước? Cả dân tộc tôi vô cảm với chính số phận đất nước mình. Ai xâm chiếm cũng được bởi vì đất nước này, dân tộc này không còn là của tôi nữa. Nó thuộc về của riêng của đảng Cộng Sản Việt Nam rồi. Nhiều khi biết đâu với những ông chủ mới, cuộc sống của tôi lại bớt khó khăn hơn!?

Thế kỷ 21 đã mở ra những hướng mới. Lần này Trung quốc vươn vai đứng dậy, lớn lên nhanh chóng. Từ ô nhục của quá khứ do các quốc gia Tây Phương đem đến cho họ trong hai thế kỷ trước đó, Trung quốc hăm hở muốn rửa mối nhục ấy. Liên xô tan rã, Hoa kỳ và châu Âu bước vào khủng hoảng kinh tế. Những lực lượng Hồi giáo quá khích, nương theo tình hình, lăm le chia phần thiên hạ với những thủ đoạn chiến tranh tàn độc chưa từng có, vũ khí là chính con người, kẻ thù là tất cả những ai không cùng tôn giáo và niềm tin vào một đấng cứu thế của họ.

Trong lúc tình hình thế giới thay đổi từng ngày, riêng có đất nước tôi là dừng dung cam chịu mọi áp đặt của “ông bạn” lân bang xảo quyệt. Chưa bao giờ trong lịch sử dân tộc, đất nước tôi lại có một giai đoạn đen tối như hiện nay. Hết biên giới đất liền đến biển khơi lần lượt lọt vào tay kẻ thù. Mỗi lần nhìn những khuôn mặt xảo quyệt trơ trẽn của chúng trên tivi phim ảnh, tôi lại tởm lợm không chịu nổi một cảm giác buồn nôn. Tầng lớp sĩ phu thừa thốt có lòng với nước bị cô lập và khinh miệt, bị trừ dập và đàn áp. Càng nghĩ tới càng buồn.

Hai mươi năm nội chiến cộng thêm gần bốn mươi năm đi theo cộng sản, dân tộc tôi như một bệnh nhân liệt kháng không còn sức chống đỡ trước những thử thách mới. Tôi có quá bi thảm hóa vấn đề không? Những người còn chút tỉnh táo chỉ còn biết đứng nhìn trong tuyệt vọng và buồn đau. Chẳng làm gì được nữa. Nói cho đúng hơn, đã quá muộn để có thể làm được một điều gì cho đất nước và dân

tộc mình khi cả một tập đoàn cai trị quyết tâm bán nước!

o O o

Tôi bỗng nhớ tới một kỷ niệm khó quên đã đến với tôi khi còn trong trại Vĩnh Phú B trong năm 1979.

Năm 1979 tháng hai ngày 17 lúc rạng sáng. Tất cả các phòng giam còn đang trong cơn ngái ngủ. Bỗng có tiếng loa phát đi từ phía cổng trại qua giọng nói đượm đầy cảm xúc của nữ phát ngôn viên đài phát thanh Hà Nội hôm ấy:

“Quân đội Trung quốc đã phát động cuộc tấn công xâm lược trên toàn tuyến biên giới Việt Trung.”

Chúng tôi bừng tỉnh hồi hộp nằm nghe theo dõi tin tức.

Thực tình chuyện chiến tranh biên giới là điều chúng tôi đã cảm nhận được nó sẽ xảy đến ở một lúc nào đó qua các sự kiện xảy ra từ rất lâu trước đó khi chúng tôi còn nằm dưới quyền quản lý của quân đội cộng sản. Từ giữa năm 78, qua các lời bàn tán xôn xao trong trại, qua các hành động tăng cường hàng rào quanh trại và việc tổ chức bố trí các ổ súng máy nhắm vào trong trại đã khiến chúng tôi đặt nghi vấn. Rồi qua các tin tức hiềm hoai truyền tai nhau, những lời úp mở trên báo chí, qua tường thuật lại các nguồn tin gia đình trong các kỳ thăm nuôi, những lời nói vô tình của các cán bộ quản giáo... chúng tôi đã nghĩ tới một cuộc chiến tranh sẽ nổ ra giữa hai “đồng chí” Trung -Việt này.

Cho đến cuối năm 78, tất cả tù “cải tạo” được bàn giao sang lực lượng công an trại giam để quân đội tập trung chuẩn bị tác chiến thì điều dự đoán của chúng tôi càng chắc chắn hơn lên.

Khi chúng tôi chuyển trại về Vĩnh Phú, Vĩnh Quang sau khi từ biệt liên trại 4 Hoàng Liên Sơn, vài ngày sau đó trong trại râm ran truyền tai nhau một bài thơ sấm truyền được nghe nói là của cụ trạng Nguyễn Bình Khiêm. Dù sao, cho tới lúc này khi hồi tưởng, nội dung của bài thơ cũng đã minh chứng

được nhiều điều khi chiêm nghiệm với tình hình đất nước kể từ ngày Miền Nam sụp đổ tới nay. Bài thơ được cho là một bài *sấm của của cụ Trạng Trình như sau

*Ô hô thế sự tựa bình bồng
Nam Bắc hà thời thiết lộ thông
Hồ ẩn sơn trung mao tận bạch
Kình ngư hải ngoại huyết lưu hồng
Kê minh ngọc thụ thiên khuynh bắc
Ngưu xuất lam điền nhật chính đông
Trục đảo ưng lai sư tử thượng
Tứ phương thiên hạ thái bình phong.*

Bài thơ sau đó được lược dịch như sau:

(1) Chuyện đời, than ôi giống như bèo trôi (trên sông nước)

(2) Khi nào đường xe lửa liên thông nối liền Nam Bắc

(3) (Khi đó) con cáo đã trốn vào ở trong núi, lông (của nó) thành bạc trắng

(4) Ngoài biển khơi cá kinh máu loang chảy

(5) Gà gáy sáng cây ngọc đổ nghiêng về phương Bắc

(6) Trâu ra khỏi chuồng (lúc đó) mặt trời chính hướng đông

(7) Phải đợi khi chim ưng lại, sư tử (trèo lên) cao

(8) (Lúc đó) bốn phương thiên hạ mới hưởng gió mát thái bình.

Sau đó có những lời bàn:

Câu (2) ứng với tháng 6-76 khi đường xe lửa Nam Bắc nối lại sau thời gian chiến tranh bị gián đoạn. Cũng có thể hiểu một cách tổng quát hơn: khi nào Bắc Nam thống nhất.

Câu (3) ứng với Hồ Chí Minh vốn vẫn được gán cho hõn danh “cáo già”, ngoài ra hồ (con cáo/chồn) cũng là họ do HCM tự lấy lại cho mình. Sau khi chết, xác HCM được tẩm liệm giữ trong lồng kính đặt trong lăng mộ bằng đá lớn tại Ba Đình, ngay tại Hà Nội. Chủ nghĩa Cộng Sản Tàu do Mao

Trạch Đông lãnh đạo cũng đã đổi màu từ đỏ thành trắng (tương ứng với câu mèo trắng mèo đen của Đặng Tiểu Bình.)

Câu (4) ứng với những cuộc vượt biên đầy chết chóc thương tâm của đoàn người thuyền nhân (Boat people) kể từ khi Miền Nam thất thủ? Các trận hải chiến giữa lực lượng hải quân VNCH ngày 19 tháng Giêng năm 1974 giữ quần đảo Hoàng Sa, và trận đánh chiếm đảo Gạc Ma tháng 3 năm 1988 của Trung cộng với hải quân cộng sản VN vào năm 1988. Hay còn một trận thư hùng nào khác trong tương lai giữa lực lượng hải quân cộng sản Việt Nam với Trung Quốc?

Câu (5) Ngọc thụ theo Từ Điển Hán Việt Đào Duy Anh là (con em tốt giỏi...). Theo Nguyễn Ngọc Phách trong cuốn Chử Nho Và Đời Sống Mới... ghi (a handsome or talented young man/thanh niên tuấn tú hoặc tài cao). Như vậy có thể hiểu: khi nào có những thanh niên trí thức yêu nước báo động/báo thức (gà gáy sáng) về một nguy cơ đất nước vào tay giặc phương Bắc.

Câu (6) Câu này có thể hiểu nguy cơ mất nước này bắt nguồn từ thỏa thuận ngầm được ký kết “Kỷ yếu Hội Đàm” giữa phái đoàn cộng sản do Nguyễn Văn Linh dẫn đầu với Giang Trạch Dân ở Thành Đô vào ngày 3 và 4 tháng 9 năm 1990 tại khách sạn Kim Ngưu (Trâu vàng?!) Tứ Xuyên chăng? Điều này dẫn ta liên tưởng tới từ “lam điền” (ruộng lam hay biển xanh?) và bày (trâu) dân khoan 981, 9 đang “cày bừa lãnh hải của VN hiện nay? Còn câu “nhật chính đông” không biết có liên quan gì tới việc Nhật Bản vừa sửa đổi việc diển dịch hiến pháp cho phép họ mở rộng lực lượng quốc phòng mới đây không?

Câu (7 và 8) Phái đội khi Hoa Kỳ (chim ưng) trở lại Đông Nam Á, và Ấn Độ (sư tử) tham gia quân bình cán cân lực lượng quân sự tại vùng biển đông đối trọng với Trung Quốc, lúc đó cơ may hòa bình mới có thể đạt được.

Chỉ có điều cần phải ghi nhận là thái độ đầu hàng hiện

nay của cộng sản VN. Lãnh đạo thủ lợi cá nhân, bè nhóm, tương hèn, lính kiêu, dân mất hết nhiệt tình chống giặc, đất nước kiệt quệ tài nguyên... sự cấu kết/ bỏ rơi của các thế lực cường quốc đối trọng... Tất cả những yếu tố ấy gộp lại, một thứ “bốn phương thiên hạ thái bình” chắc hẳn không thể là một thứ thái bình tự chủ mà là một thứ thái bình do mẫu quốc ban phát cho một thuộc địa phen dậu. Bài sấm này có đặc điểm không nêu ra mốc định năm tháng như một số bài sấm khác mà lại diễn giải thời sự theo cách: “nếu khi thấy điều này xảy ra... thì... điều kia sẽ xảy ra” Và chúng ta thấy sự diễn đạt đó phần nào đã được tôi trình bày ở trên.

Sau cùng, dù muốn hay không trước nhu cầu nguyên liệu của Trung quốc ngày càng cao, việc độc quyền khai thác dầu trên biển quanh khu vực Hoàng Trường Xa là mối lợi có tính sống còn của họ. Âm mưu xâm lược của Trung quốc đối với Việt nam thực ra không phải là bây giờ mới có. Nó khởi nguồn từ những ý tưởng Đại Hán bắt rễ từ rất lâu trước đó trong lịch sử bành trướng của họ. Dấu hiệu đáng lý ra những người cộng sản Việt Nam phải nhìn ra ngay từ lúc Mao Trạch Đông chủ trương chống lại Liên Xô trong việc tiến hành cuộc cách mạng giải phóng TQ bằng lực lượng nòng cốt là nông dân. Đồng thời, với mọi thủ đoạn, Liên Xô cũng chẳng ưa gì Mao mà bằng chứng cụ thể là những hành động hỗ trợ cho Quốc Dân Đảng của Tưởng Giới Thạch lãnh đạo chống lại Mao.

Hay nói một cách rõ ràng hơn, ý tưởng về một thứ “Vô sản thế giới đoàn kết lại” chỉ là loại ảo tưởng, quyền lợi dân tộc vẫn luôn là ưu tiên số một cho bất cứ quốc gia nào dù là cộng sản hay không.

Kể từ khi Trung Quốc từ bỏ chủ thuyết “Thôi quang dưỡng hối” của Đặng Tiểu Bình để hiện thân nguyên hình một tân đế quốc, nguy cơ một cuộc lấn chiếm trên Biển Đông ngày càng hiện rõ. Tình hình thế giới cũng thuận lợi cho TQ không cần phải che đậy những mưu mô tính toán của mình nữa. Kẻ thù khả dĩ làm cho họ e dè là Hoa Kỳ đang bước vào những

khó khăn mới về kinh tế và chính trị và chính sách của tổng thống Obama có phần nghiêng về giải quyết những khó khăn quốc nội do hậu quả từ chính phủ Bush để lại hơn là đóng vai một Globocop (cảnh sát quốc tế!). Và điều này cũng còn được minh chứng khá rõ nét qua cuộc tranh luận giữa hai học giả Francis Fukuyama (Hoa Kỳ) và Trương Duy Vi (Trung Quốc).

Trương Duy Vi đã nêu ra một ý niệm về vận “Khí” của lịch sử TQ để kỳ vọng cho một nước Trung Quốc hùng cường hai ba thế kỷ nữa so với một Hoa Kỳ ngày càng suy vi dần. Thực ra nếu viện dẫn tới những ý niệm siêu hình kiểu vận “Khí” lịch sử thì có lẽ chúng ta lại một lần nữa phải nhắc tới những câu thơ sấm của một thức giả lỗi lạc khác của Trung Quốc, Lưu Bá Ôn, Trong bài Dự ngôn trên bia đá tại núi Thái Bạch tỉnh Thiểm Tây

20. Một sầu thiên hạ loạn khắp nơi.
21. Hai sầu đông tây người chết đói
22. Ba sầu hồ nước yểm chứa tai nạn lớn
23. Bốn sầu các tỉnh bốc khí độc (khói tàn ác).
24. Năm sầu thấy nhân dân bất an như thế.
25. Sáu sầu chín mùa đông dài mười tháng
26. Bảy sầu có cơm mà không có người ăn
27. Tám sầu có người không áo mặc.
28. Chín sầu thi thể không người liệm
29. Mười sầu khó qua năm Hợi năm Tí.
30. Vượt qua được năm đại kiếp nạn. (qua được năm Hợi năm Tí)
31. Mới tính (toán thấy) khoảng đời (sống) chẳng (như) lão tiên.

Không biết bộ não của một con cọp hung hăng Trung Quốc đang ngứa ngáy móng vuốt có suy nghĩ gì về lời cảnh cáo này không nếu Biển Đông dậy sóng phát tác thành một cuộc thế chiến?

Tháng 6/1914

Tôi thực tâm có chút tò nghi điều gán ghép đây là một bài sấm của cụ Trạng. Nội trong tài liệu “ Sấm Trạng Trình toàn tập” trong phần tài liệu tham khảo ghi dưới bài cũng đã có nhiều dị bản, có bản gồm bài thơ này, có bản không. Ngoài ra câu “Nam Bắc hà thời thiết lộ thông” càng làm cho sự tò nghi có căn cứ, vì thời cụ Trạng, ý niệm về đường sắt chắc hẳn là chưa có. Nếu ta biết rằng mô hình chiếc xe lửa đầu tiên trên thế giới có tại Anh quốc vào năm 1804, tuyến xe lửa đầu tiên ở VN là tuyến đường Sài Gòn-Mỹ Tho dài 71 Km được xây dựng vào năm 1881. Tuyến đường sắt xuyên Việt xây dựng xong vào năm 1936.

Tuy nhiên, dù sao bài thơ này ra đời cũng đã khá lâu, ít nhất cũng xuất hiện trước thế chiến thứ 2. Tôi còn nhớ khoảng thời gian thập niên 50 thế kỷ trước, tôi đã từng được nghe tới và có lời bàn của ông cậu ruột tôi cùng với các bạn hữu của ông khi tôi sống tại Hải Phòng. Riêng trong thời gian Trung cộng tấn công VN năm 1979 thì tại trại Vĩnh Phú tôi lại được nghe các bạn tù đọc lại nhiều lần thành thuộc! Bỏ ngoài vấn đề tác giả-- mà tôi đoán chắc phải là một bậc trí giả có viễn kiến chính trị và thời sự-- tôi muốn nêu lên trong bài viết này chính là tính tiên tri của bài thơ mà thôi.

Tài liệu tham khảo:

- Hán Việt từ điển-Đào Duy Anh (Hãn Mạn Tử hiệu đính). Nhà xuất bản Văn Hóa Thông Tin. Xuất bản năm 2010

- Chữ Nho và đời sống mới-Thành Ngữ Hán Việt thông dụng-Nguyễn Ngọc Phách-Tổ hợp xuất bản miền Đông Hoa Kỳ năm 2004.

- Sấm Trạng Trình Toàn tập. <http://www.vietnamvanhien.net/samtrangtrinhtoantap.pdf>

<http://www.vietlyso.com/forums/showthread.php?t=12154>



AN LỘC MỘT LẦN TÔI ĐÃ ĐẾN, MỘT ĐỜI ĐỂ NHỎ.

Mũ nâu Nguyễn Phán, K24.

(tiếp theo)

Tôi im lặng nghe mà không có một lời, chỉ ồm ờ vài câu cho qua chuyện. Bởi vì, vào lúc đó, trong đầu tôi chỉ có một ý niệm là tôi vừa mất thêm một người bạn, mà không cần biết bạn tôi chết như thế nào, dừng cảm ra sao? Bốn năm “dùi mài kinh sử”, kéo thước tính, luyện tích phân, mài mòn giày saut trong phòng thí nghiệm nặng, thực tập lãnh đạo chỉ huy,... để rồi, chỉ trong phút chốc “đã trở nên người thiên cổ!” Sau này, tôi và NT Sùng có dịp trò chuyện, tôi mới thấy Thế Phương đã có phần đúng, khi nói “*Lẹ là hiện thân của Võ Bị*”.

Ngoài phần số, sự thiếu kinh nghiệm chiến trường, hai bạn tôi, Nguyễn Trọng Tiến và Lê Văn Lẹ đã nằm xuống một phần cũng vì niềm hãnh diện đan chung với cái tự ái của một “Cùi” như bao lớp đàn anh khác, như những bạn bè khác của tôi. Chính cá nhân tôi, ngoài vấn đề phần số, nếu không có một thời gian ở chung cùng đàn anh Đoàn Văn Sùng, học được

“đôi chiêu công thủ đúng bài bản” của anh, thì tôi cũng có thể sớm “rửa chân” theo Tiên và Lệ rồi.

Sau này, có dịp, tôi cũng truyền một số chiêu thức học được từ các đàn anh, từ các ĐĐT khác, hay những “chiêu thức tự luyện”, cho hai anh K25 là Cao Văn Hải và Chung Kiên, đã được về sống với đại đội của tôi một thời gian.

Hải khi về trình diện tiểu đoàn, thì Thủy Tiên ưu ái cho Hải về ở với tôi. Nhưng vào lúc đó, đại đội tôi có Tr/Uý Lê Công Tâm, ĐĐP và ba Th/Uý là ba Trung đội trưởng, nên chưa có chỗ cho Hải. Sau khi Hải đi học Ranger ở Hoa Kỳ thì Chung Kiên từ TS5 về với tôi. Hơn nữa, cái chết sớm của Tiên và Lệ làm tôi cũng muốn “chăm sóc Hải” kỹ hơn, nhất là từng nghe lính Tiểu Đoàn 30 truyền miệng --tiểu đoàn 30 có “hun”, mấy ông Th/Uý Đà Lạt mới ra trường, về tiểu đoàn, dễ “bị đứt bóng” lắm.

Cuộc hành quân bằng đường bộ vào An Lộc nửa chừng bị bỏ dở! Lại rút về Chơn Thành, chờ lệnh mới. Như đã viết ở phần trên, Th/Tá Võ Mộng Thủy không chỉ là một tiểu đoàn trưởng xuất sắc của binh chủng, mà còn là hiện thân của những gì được gọi là điểm son về tình nghĩa huynh đệ của những “Cùi” ở chiến trường. Khi Tiên và Lệ lần lượt ra đi chỉ hơn một tháng ở đơn vị, tôi biết Thủy Tiên buồn và cũng day dứt nhiều. Vì thế, sau khi từ Chơn Thành về Lai Khê, để chuẩn bị nhảy vào An Lộc, tại đây, anh gọi tôi lên ăn cơm. Trong bữa cơm thanh đạm đó, ngoài Th/Tá Võ Mộng Thủy và tôi, còn có Thảo Trang và NT Trần Văn Xuân, TB3. Đang nói những chuyện trên trời dưới bể, bất chợt, Thủy Tiên nói:

- “Phú Quốc về làm phụ tá ban 3 cho 93 (TB3) một thời gian, để có thêm kinh nghiệm, trước khi ra lại đại đội, ý Phú Quốc thế nào?”

Lúc bấy giờ, tôi là ĐĐP/ĐĐ2 cho Trung Úy Đoàn Văn Sường, tôi đã đáp ngay mà không suy nghĩ đắn đo:

-“Cảm ơn Thiếu Tá TĐT, nếu được lựa chọn, tôi vẫn muốn

ở lại đại đội. Tôi biết, sau hai cái chết của Tiến và Lạ, Thiếu Tá “sợ” cho tôi. Nhưng thưa Niên Trưởng (đây là lần đầu tiên tôi gọi hai tiếng Niên Trưởng với Th/Tá Võ Mộng Thủy), đã chọn binh nghiệp để phục vụ, đã chọn binh chủng Mũ Nâu, thì tôi vững tin sống chết là có số mạng. Hơn nữa, lính sẽ nghĩ gì, khi tôi ở đại đội chưa được bao ngày, lại về Ban Chỉ Huy tiểu đoàn? Cho dù Tiến và Lạ ra đi vội vàng có để lại trong lòng tôi nhiều buồn thương và trống vắng! Vậy xin Thủy Tiên cho tôi tiếp tục ở lại đại đội. Hơn nữa, hơn một tháng nay, từ ngày Thanh Vân bị thương trở về, tôi đã học được nhiều điều. Tôi muốn được có dịp học hỏi thêm từ những kinh nghiệm trận mạc, hay chỉ huy của anh”.

Cuối cùng Thủy Tiên cũng đã cho tôi được toại nguyện. Viết những dòng ngắn ngủi này, như để tưởng nhớ đến niên trưởng Võ Mộng Thủy đáng kính của tôi.

Tôi cũng đã học hỏi nhiều từ các đàn anh khác như các đàn anh Hà Kỳ Danh, LDP/LĐ5, đàn anh Đinh Trọng Cường, TĐT/TĐ33, đàn anh Nguyễn Văn Nam, TĐT/TĐ38, và đặc biệt từ Th/Tá Nguyễn Ngọc Khoan, TĐT sau cùng của Tiểu Đoàn 30. Tôi đã học từ anh về tấm lòng bao dung. Viết điều này cũng như một lời cảm ơn muôn màng gửi đến đàn anh Nguyễn Ngọc Khoan.

Tôi cũng đã học hỏi nhiều điều từ các đàn anh khác, từ các đại đội trưởng khác. Tôi còn nhớ, trong trận đánh đầu đời ở Đất Đỏ, với tư cách XLTV/ĐĐT/ĐĐ2, tôi thường gọi máy về tiểu đoàn xin ý kiến khi tôi sắp tấn công vào một mục tiêu, hay xin thay đổi hướng tấn công... Đêm về, tạm bình yên, Tr/Uý Trần Hữu Phương, ĐĐT/ĐĐ3 “bè cổ” PRC25, nói với tôi:

-“Phú Quốc phải nhớ một điều, đang khi lâm trận, dù chỉ là đại đội trưởng, chúng ta cần phải áp dụng câu “tiền trăm hậu tấu”. Vì nếu không, sẽ đánh mất cơ hội chiến thắng, hay sẽ đưa đơn vị vào chỗ nguy khốn”.

Đó là bài học đầu tiên mà tôi học được từ một đại đội

trường, và cũng nhờ đó, qua hơn ba năm có mặt ở đơn vị, tôi cũng đã đóng góp được một chút gì, kể cả góp máu, trong cuộc chiến bảo vệ tự do cho Miền Nam. **Chúng tôi đã chiến đấu đến tận cuộc chiến để cảm nhận trọn vẹn cái đau đớn tột cùng, cái bi hận không bao giờ nguôi của “người lính thua cuộc!”** theo lệnh.

Trong những ngày tại thị trấn buồn hiu Chơn Thành, tôi cảm nhận trọn vẹn tình nghĩa Quân Dân. Phải chăng, trong cái mong manh giữa sống chết, rủi may, lòng người mở rộng cho nhau hơn. Cho đến bây giờ, tôi vẫn chưa quên buổi chiều tối hôm đó, từ mặt trận trở về quận lỵ Chơn Thành, sau khi đóng quân xong, tôi vội ghé thăm gia đình mà tôi và Lẹ đã quen. Khi nhìn thấy tôi đến một mình, với khuôn mặt không vui, như đoán trước được điều bất hạnh, cả gia đình cùng dồn dập hỏi tôi, “Anh Lẹ đâu?”, những lo âu hiện rõ trên những khuôn mặt của những người trong gia đình này, nhất là từ người dì tên H.L, và cô cháu Việt Tâm.

Khi nghe tôi báo tin buồn là Lẹ đã hy sinh tại suối Tàu Ô, cả nhà oà khóc. Họ khóc như vừa nghe tin người thân yêu của mình vừa mới qua đời! Cho dù tôi và Lẹ quen biết gia đình này, đến thăm chơi cũng chỉ có trong đôi ngày, rồi đi. Khi quen gia đình này, tôi quen H.L., còn Lẹ thì làm quen với cô cháu gái Việt Tâm. Có một lần, từ gia đình này trở về tiểu đoàn, tôi nói đùa với Lẹ,

–“Ê, dù cùng khóa, mày tao, mi tớ, nhưng rồi có lúc, biết đâu mày sẽ gọi tao bằng dượng, hà, hà”.

Cả hai cùng cười. Lẹ vốn ít nói, dân miệt Gò Công hiền hoà, như “cục đất Miền Nam”. Trong trường, hai năm sau cùng, Lẹ ở đại đội E và tôi ở đại đội F, liên đội này thường đi học chung văn hóa lẫn quân sự. Chưa bao giờ tôi thấy Lẹ giận, hay cự nự bạn bè. Ngay cả chuyện làm quen hai dì cháu nhà kia, âu cũng là định mệnh. Khi đang lang thang, tôi và Lẹ thấy có hai cô gái đang vác những cây khoai mì từ rẫy gần đó về

nhà. Chúng tôi chặn đường, gợi ý “để chúng tôi vác hộ cho”. Tưởng nói chơi, mà các cô trao thiết. Cô H.L. mau mắn trao bó khoai mì cho tôi ngay, và cô cháu thì ngần ngại một lúc, rồi cũng trao cho bạn tôi. Chuyện khởi đầu quen nhau nó giản dị như thế đó. Không lãng mạn, không thư thư tình xanh hồng qua lại. Cho đến bây giờ, tôi vẫn thấy khuôn mặt đầm đìa nước mắt của Việt Tâm.

Đêm đó, trên chiếc võng, tôi thao thức mãi với thuốc lá, cà phê thâu đêm. Tôi nghĩ về Tiến, về Lệ, về cô bé mang tên trái tim Việt Nam -Việt Tâm. Mới ở tuổi mộng mơ của trăng 16, mà lại nhỏ những giọt nước mắt cho mối tình chợt đến, và vội vã ly tan. Tình yêu vừa thoáng hôm qua, mà nay đã xa thật rồi. Ôi! chiến tranh! Chỉ trong một tháng, chiến tranh đã cướp đi hai người bạn cùng khóa, cùng đơn vị. Và cũng trong cái nóng cùng cực của “Mùa Hè Đỏ Lửa” trên khắp 4 vùng chiến thuật, nhiều bạn bè Khóa 24 đã nằm xuống. Mới ngày nào, thời gian chưa đủ quên đi cái se lạnh, cái mù sương, màu hoa mimosa của Đà Lạt,... mà nhiều bạn tôi đã an giấc ngàn thu, nhất là trên ba chiến trường lớn: Trị-Thiên, Kontum, và Bình Long-An Lộc. Còn đâu hỡi Ánh (SĐ21) hy sinh trên quốc lộ 13, Phước, Minh (SĐ5), Chiến, Trường, Phương (ND), Dzung, Tá, Luyện, Cang (TQLC), Tiến, Lệ (30 BĐQ), Hải (SĐ3),....

Vào khoảng tháng 9/72, khi tôi quay về Thủ Đức, thì Nguyễn Kim Khánh, người bạn cùng khóa, cho tôi đọc danh sách các K24 đã Vệ Quốc Vong Thân. Tôi cảm thấy nghẹn ngào đến độ nuốt không trôi những món ngon mà Th H., người vợ mới cưới của Khánh, đã đích thân nấu để đãi tôi, vì tôi đã không có mặt trong ngày cưới của hai người, như tôi đã từng hứa trước đó. Chỉ trong một “Mùa Hè Đỏ Lửa” đã cướp đi hơn một phần năm các bạn cùng khóa của chúng tôi!

Nếu nói Lai Khê là thành phố của lính chắc không có gì sai. Nơi đây không có chỗ cho mộng mơ. Nơi đây, “mọc” lên rất nhiều quán nhậu đủ kiểu, quán cà phê với nhiều sắc thái khác nhau, cùng nhiều thể loại nhạc từ “lính mà em”,

“một trăm phần trăm” đến “Thiên Thai”, “Suối Mơ”, “Đôi mắt Người Sơn Tây”,... Hàng quán, hầu như lúc nào cũng đầy ắp khách với đủ các sắc lính. Mới hơn ba tháng mà tôi đã nhập vai vào người lính trận tự lúc nào cũng không biết. Giày saut cũng “bết bùn đất hành quân”, áo chiến cũng bạc màu sương gió, vương đầy bụi đất hành quân. Hình ảnh anh “lính quý tộc” ngày nào trên ngọan đôi 1515 yên bình, bỗng chốc trở



Dân chúng và thương binh đang được di tản dưới cơn mưa pháo kích của CS.

thành xa lạ với chính mình. Ba tháng chinh chiến ngược xuôi, dường như, cũng đủ để cảm nhận hình ảnh thật của một người lính trận. Và trong những tháng ngày này, trong đêm nay, tôi cảm nhận thật trọn vẹn những câu thơ rất thời chiến, “rất lính” của Trần Hoài Thư:

*“Đêm đi kích, ngày nhâm nhi rượu đế
Uống để say, quên hẳn tháng ngày
Bên bàn rượu, mỗi ngày một vắng
Thương bạn bè chưa uống đã say!
Khi vào lính nói năng nham nhở
Nói yêu ai cũng nghĩ đến cái giường,*

Bởi lẽ, sau mỗi trận đánh, sau một lần hành quân, sau mỗi

chiến dịch lại mất đi một số đồng đội cũ. Lễ khao quân, mừng chiến thắng tại Phước Tuy, chúng tôi còn đủ ba đũa. Từ Xuyên Mộc lên Chơn Thành, trong bữa ăn chung của tiểu đoàn, chúng tôi thiếu Tiến. Nhớ đêm đó, tôi và Lệ uống say như chưa từng say, vì hai đũa chúng tôi luân phiên uống thay phần rượu của Tiến. Người tiểu đoàn trưởng, cũng là một đàn anh của chúng tôi, đã gần như ngồi suốt đêm bên cạnh chúng tôi. Do đó, khi tỉnh dậy, lòng càng thêm xúc động. Tinh anh em thấm đậm biết bao! Và chiều nay, tại Lai Khê, tôi uống thay hai phần rượu của Tiến và Lệ. Đêm đó, lòng tôi buồn vời vợi! Cho dù, tại nơi đây, vùng đất dành cho lính, tôi đã có những tiết mục dành cho người lính trước khi ra trận. Đêm đó, tại hậu phương Lai Khê, cũng không xa vùng chiến trận, tôi đọc tiếp thơ lính của Nguyễn Bắc Sơn cho “em gái của lính” nằm nghe:

*Lỡ mai ra trận, ta còn sống
Về lại Bồng Sơn dạo phố chơi....*

Và nhất là hai câu thơ của Trần Hoài Thu:

*Khi vào lính, nói năng nham nhở
Nói yêu ai cũng nghĩ đến cái giường*

Em nghe và cười thỏa thích.

Trung tuần tháng 7/72, chúng tôi được trực thăng vận vào An Lộc. Vào lúc này, địch đã bị thiệt hại nặng, không còn đủ sức để mở các đợt tấn công lớn nhằm chiếm lại An Lộc, tuy nhiên chiến sự vẫn còn xảy ra tại các làng xã bao quanh, và áp lực địch vẫn còn nặng. Ấp Phú Miêng, khu kỹ nghệ Tân Lợi, nhà thờ Tân Lợi, Đồi Gió, “Sok” Tân Cui, phi trường Quán Lợi. Về phía Bắc có đồi Đồng Long, Vườn Mít,... và về phía Nam thị xã có khu nhà thương Minh Đức, khu đồn điền cao su Xa Cam, Xa Cát,... tất cả những địa danh trên, vòng đai bao quanh thị xã, vẫn còn nằm trong tay của địch quân. Khi vào thay đơn vị bạn, nhiệm vụ của chúng tôi thật rõ: chiếm lại các địa danh trên, đặc biệt là nhà máy nước Tân Lợi, cũng như Đồi Gió, vì đây là những vị trí chiến thuật, mà ngày nào còn

trong tay của địch quân, là ngày đó An Lộc còn bị nguy khốn.

Từ trên phi cơ nhìn xuống, cảnh vật thật hoang tàn. Những vùng cao su xanh ngát một màu ngày nào, nay đã được cây xói bởi pháo và bom đạn, từ hai phía. Những vùng đất đỏ đầy những hố bom, đạn pháo,... trông giống như những vết rỗ trên những khuôn mặt sau một lần lên đậu mùa. Chúng tôi được lệnh rời nhanh, khi máy bay vừa đáp xuống, vì nơi đây là điểm pháo kích của địch. Vừa lao ra khỏi máy bay, tôi lại gặp được một người bạn cùng khóa, Trương Thành Minh, mà ở trong trường vẫn quen gọi là “ông Tây nhà đèn”. Chỉ kịp bắt tay, chưa kịp thăm hỏi thì bạn tôi thúc giục

-“Cho lính chạy nhanh lên, pháo đến nơi”.

Tôi ngoái đầu nhìn lại, bạn tôi đã lên máy bay trở lại hậu phương, còn tôi trên đường vào vùng bão lửa. Không ngờ, đó là những lời rất ân cần, những lời nói sau cùng mà người bạn cùng khóa đã dành cho tôi, vì một thời gian sau, tôi được tin Minh đã hy sinh trong một trận đánh đầu đó ở Bình Dương!

Quả thật như Minh đã nói, di chuyển hơn vài trăm thước, thì đạn pháo kích ập đến. Tôi xua lính ĐĐ2 chạy thật nhanh, trong khi đó có một vài chiếc trực thăng bốc cháy. Lúc bấy giờ tôi không nhận biết có còn lính trên các máy bay trực thăng bốc cháy đó hay không? Tình hình thật căng thẳng. Cùng với Thanh Vân, tôi hò hét lính chạy nhanh ra khỏi vùng. **Tiếng rên la của những người lính bị thương, tiếng gầm thét của các gunships, tiếng máy bay đổ quân, máy bay đang rời vùng, hòa lẫn với pháo nổ, đạn bay,...** đã tạo nên một cảnh tượng hết sức bi hùng của một lần đổ quân tăng viện. Chúng tôi vào An Lộc đã được dàn chào như thế đó. Dù các phi công bay trong đợt chuyển quân này thuộc loại lính cũ, dày dặn về kinh nghiệm đổ quân, nhưng với bãi đáp quá hẹp, trong khi đó pháo địch dày đặc, do đó, tổn thất là điều không sao tránh khỏi.

Khi ra khỏi vùng pháo của địch, kiểm điểm lại, thì trong

máy chiếc trực thăng bị trúng đạn, bị rút bị bốc cháy, có một chiếc chở lính ĐĐ2 của chúng tôi. Phi cơ bị bốc cháy, hơn một tiểu đội bị thương, bị chết, trong số đó có Ch/Uý Hồ Anh Đức vừa mới được bổ sung cho Đại Đội 2 ngay tại phi trường. Tôi chỉ kịp hẹn anh vào An Lộc, sẽ nói chuyện. Không ngờ anh hy sinh quá sớm. Anh chỉ ở với đơn vị có vài giờ. Chiến tranh là thế đó! Bình thường các sĩ quan mới ra trường, dù Võ Bị, Thủ Đức, hay Đồng Đế đều được ở tại BCH/ tiểu đoàn một thời gian để thực tập và làm quen với đơn vị. Nhưng vào lúc này, tiểu đoàn đang thiếu nhiều sĩ quan, nhất là các trung đội trưởng, do đó, vừa về tới BCH tiểu đoàn, Ch/Uý Đức cũng như các tân chuẩn úy về trình diện Tiểu Đoàn 30 vào hôm đó, đều được phân phối về đại đội ngay tại điểm bốc của trực thăng.

Trong đợt đổ quân này, cả Tiểu Đoàn 30 thiệt hại tương đối nhẹ với gần một trung đội “đi biển” (tử thương, “chữ riêng” của TĐ30 BĐQ), vài chục bị thương. Tử-sinh chỉ trong thoáng chốc. **Có lẽ, chính vì thế mà ở các đơn vị chiến đấu; nói chung, ít thấy những tị hiềm, lọc lừa giả dối, toan tính hại nhau như các chính khách ở nghị trường! Và sau này, khi mất nước, trong tù ngục cộng sản, lại một lần nữa, cho thấy các người lính tác chiến vẫn còn “sống được” một cách tương đối, ít sa vào chỗ phản bội anh em, đồng đội cũ. Cho dù phải sống trong vòng vây của kẻ thù, cho dù làm kẻ bại trận “theo lệnh”, nhưng thời gian chưa thể làm quên đi một thời hào hùng chinh chiến cũ của mình, của đồng đội, của màu cờ sắc áo. Tình chiến hữu là một điều có thật. Chính sống chết vẫn có nhau, bao bọc cho nhau trong những giây phút thập tử nhất sinh mà tình đồng đội đã được thăng hoa và trở thành một hình ảnh tiêu biểu đẹp miên viễn. Cho dù, đôi lúc, người lính ở tiền tuyến nhìn về hậu phương không khỏi ngậm ngùi, chua xót!**

Hơn hai tháng vào An Lộc, với 3 liên đoàn BĐQ cùng với SD18, vành đai An Lộc đã được nối rộng ra rất nhiều, nhất là

sau khi Th/ Tướng Lê Minh Đảo, tư lệnh mặt trận An Lộc ban lệnh phản công toàn diện. Lần lượt các vị trí chiến thuật đã lại trở về với VNCH. Các chốt cứng của địch ở đồi Đồng Long, ấp Phú Miêng, Đồi Gió, Tân Lợi, Xa Cam, nhà thương Minh Đức,... đã bị đánh bật ra. Súng cối địch đã không còn rót vào thị xã An Lộc nữa. An Lộc đã hồi sinh một phần. Tuy nhiên, trận đánh xảy ra tại phi trường Quân Lợi thật khốc liệt. Địch quyết tử thủ, quân ta nhất định phải chiếm lại bằng mọi giá! Tiểu Đoàn 30 thiệt hại khá nặng tại chiến trường này.

Tiểu Đoàn 30 BĐQ có nhiệm vụ bảo vệ con đường huyết mạch từ nhà thờ Tân Lợi dẫn đến phi trường để giữ cho con đường luôn được an toàn thông suốt cho tiếp tế, tản thương. Đường như biết được ý định đó, cộng quân tung một lực lượng cấp trung đoàn, Q.271, cộng với đại đội trinh sát của Công Trường 7, vòng về phía sau, đánh ngay vào Tiểu Đoàn 30 trong ý đồ cắt đứt con đường vận chuyển cho chiến trường Quân Lợi, nhằm cô lập lực lượng tấn công của ta, hay buộc lực lượng tấn công vào phi trường là hai Tiểu Đoàn 33 và Tiểu Đoàn 38 BĐQ phải rút lui. Nhưng bên ta, Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn, cũng như Thủy Tiên cũng đã biết được ý định của chúng, do đó đã tung ra hết bốn đứa con thân yêu của mình, với quyết tâm không để mất một tấc đường vào tay địch, nhằm bảo đảm cho chiến dịch.

Trận chiến xảy ra liên tục 4 ngày đêm, địch cố chiếm từng tấc đường, Tiểu Đoàn 30 quyết không để mất một tấc đất. Có những trận đánh cận chiến, những tiếng la, mà nay hồi tưởng lại, tôi thấy có chút gì đó “man rợ” làm sao! Có lúc tưởng như tuyến phòng thủ của hai Đại Đội 1 và Đại Đội 3 của tôi bị phá vỡ. Mấy lần bị chọc thủng, nhưng được bít lại bằng chính máu xương của đồng đội. Mấy lần, phải nhờ đến máy bay khu trục đánh sát tuyến. Ngoài không yểm của quân ta, của Hoa kỳ, còn được thêm mấy phi tuần B52 dội mưa bom vào phi trường Quân Lợi và các ngọn đồi chiến thuật quanh đó.

Với sự yểm trợ có hiệu quả của phi pháo, với sự điều quân

hợp lý và quyết định đúng lúc của bộ chỉ huy hành quân, Tiểu Đoàn 30 đã giữ vững được tuyến đường, nhờ đó đã bảo đảm được chiến dịch, tuy thiệt hại khá nặng; trong đó có cố Đại Úy Trần Hữu Phương, Đại đội trưởng ĐĐ3/30, đại đội trưởng ưu tú nhất, xuất sắc nhất của Tiểu Đoàn 30 vào thời gian đó. Thế Phương đã hy sinh từ những giây phút đầu, khi cộng quân mở đợt tấn công.



Viện binh vào An Lộc, 1972.

Khi Thế Phương nằm xuống, vào giây phút đó, tôi, đang là ĐDP/ĐĐ2 được lệnh “khẩn” của Thủy Tiên, sang đảm nhận XLTV/ĐĐT/ĐĐ3. Tôi đã sống, chiến đấu trong thập tử nhất sinh cùng Đại Đội 3 trong suốt bốn ngày đêm đó. Bốn ngày đêm tưởng như đang sống trong hỏa ngục. Không có phút nào là không có đạn nổ, pháo vang và cả bốn ngày đêm cả thầy trò cùng căng mắt, không ngủ. Th/Sĩ Biền, thường vụ đại đội cho tôi biết Đại Đội 3 bước vào vùng hành quân là 114 người (ngay lúc tôi vừa sang nhận Đại Đội 3), nhưng sau bốn ngày đêm chiến đấu liên tục, đại đội chỉ còn hơn 40! Còn sống trong cảnh này, làm tôi càng vững tin hơn về đời người có số mạng. Chỉ hơn ba năm tác chiến, tôi cũng đã được vận may cứu mạng nhiều lần.

Có một lần trong chiến dịch đánh vào phi trường Quân Lợi như vừa kể, trong trận chiến giằng co tại rừng cao su gần nhà thờ Tân Lợi, Tr/S Nguyễn Văn Dòn, tiểu đội trưởng thám báo, đề nghị tôi nhích sang bên cạnh, nhường chỗ đứng của tôi cho Dòn, để anh dùng nhánh cây cao su gãy đổ làm điểm tựa cho cây đại liên M60. Nhưng chỉ trong chớp mắt, khi Dòn chưa

kip đưa cây đại liên lên nhánh cây, thì lãnh ngay một viên đạn. Dòn ngã vào người tôi. Máu Dòn đã loang ướt cả tấm bản đồ cùng áo trận của tôi. Dòn chết ngay trong vòng tay của tôi. Tôi chẳng tài cán gì, hay “trốn chạy” giỏi để còn được sống. Nhưng, chính là số phận của tôi vẫn còn, nên tôi còn được sống. Dòn đã chết thay tôi, vì Dòn tới số và tôi thì chưa, nên khiến xui Dòn đề nghị tôi nhường chỗ đang đứng cho anh.

Tôi đã sống và chiến đấu trên vùng đất không có được bình an như tên gọi trong hơn ba tháng. Hơn ba tháng đó, chúng tôi sống với gạo sậy, lương khô, thịt hộp được tiếp tế từ máy bay. Những tuần đầu, tiếp tế bằng dù bung, nên không hiệu quả, vì có chiếc theo gió bay sang vùng địch chiếm. Cũng thật buồn cười, vào giai đoạn này, không chỉ chúng tôi trông chờ đến ngày tiếp tế, mà có lẽ, ngay cả cộng quân cũng mong chờ. Khi có những chiếc dù mang đồ tiếp tế rơi vào vùng của chúng, thì chúng được hưởng trọn, nên khi máy bay thả dù tiếp tế vào vùng thì ít khi nghe tiếng đạn pháo kích của chúng. Mà đời thườ nào, chúng biết được thế nào là lương khô, thịt hộp của “đế quốc Mỹ” nó lại thơm ngon đến như thế! Sau này, thả tiếp tế bằng dù lưới, thì chẳng có bung ra bên ngoài vùng đóng quân của ta, hơn nữa, vòng đai đã được mở rộng.

Vì thiệt hại khá nặng nên tiểu đoàn được bốc về hậu cứ để bổ sung quân số. Tuy nhiên, chưa được một tuần ở hậu cứ, tiểu đoàn lại tiếp tục hành quân giải tỏa các làng xã ở Bình Dương đã bị cộng quân đánh chiếm. Tiểu Đoàn 30 lần lượt giải tỏa các xã Trung An, xã Bến Cỏ, xã Tân Phước Khánh, vùng ven ranh khu chợ Lái Thiêu, khu trù mật Khánh Vân, trại cùi Bến Sắn. Cộng quân đánh chiếm trại cùi, chỉ nhằm mục đích là vơ vét toàn bộ thuốc tây, và lương thực của trại này, theo như các Soeur đã kể cho chúng tôi nghe, với nước mắt đầm đìa!

Hơn hai mươi năm trôi qua, tôi vẫn không quên những tháng ngày của một thời sống và chiến đấu tại “**An Lộc địa, sử ghi chiến tích. Biệt Cách Dù vị quốc vong thân**”. Nơi đây, đã thấm ướt bao máu xương của đồng bào, của đồng đội

tôi như cố Đại Úy Trần Hữu Phương (Thế Phương), ĐĐT/ĐĐ3/30, cố Th/tá Huỳnh Văn Nhựt (Minh Nhựt), ĐĐT/ĐĐ4/TĐ30, cố Tr/Úy Hoàng Duy Minh, thay tôi làm ĐĐP/ĐĐ2 được hai ngày. Ngoài những Vị Quốc Vong Thân đó, còn có nhiều những đồng đội của tôi thuộc Tiểu Đoàn 30 đã ngã xuống cho màu cờ, sắc áo, cho Quê Hương, mà tôi không thể liệt kê ra cho hết. Trong số đó, còn có cố Th/S Chung, cố Tr/S Nhất Dòn, cố Tr/S Nhất Mười. Cả ba anh đã lần lược hy sinh trong khi đang là Tiểu đội trưởng thám báo của ĐĐ3/ TĐ30 BĐQ, trong thời gian tôi làm Đại đội trưởng. Làm sao biết hết, viết cho đủ các Đồng Đội đã chiến đấu và đã ngã xuống để giữ vững Bình Long-An Lộc. Các Anh Hùng Vị Quốc Vong Thân đã mang nhiều màu áo khác nhau từ Biệt Cách Dù, từ Nhảy Dù, từ màu áo hoa rừng Biệt Động đến màu xanh của SĐ5, của SĐ18, của các Địa Phương Quân và Nghĩa Quân thuộc Bình Long Anh Dũng!

An Lộc, nơi tôi đã đến trong niềm tin và lia xa trong nước mắt! Cho đến khi nào lịch sử sang trang, hoa tự do lại nở trên đường Quê Hương, chắc chắn những hy sinh của quân dân Miền Nam trong trận chiến bảo vệ An Lộc sẽ được viết bằng những nét son trong những trang quân sử của Việt Nam Cộng Hòa, và bốn chữ BÌNH LONG ANH DŨNG sẽ được ghi đậm trong sử xanh cùng với QUẢNG TRỊ KIÊU HÙNG, KONNTUM VÙNG DẬY.

Tôi tin như thế! Dù ngày tháng có qua đi, dù đã hơn 38 năm rồi, kể từ ngày 30 tháng tư đen. Tôi vẫn tin như thế, và niềm tin đó bất biến trong tôi./.